

**HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH**

*Gói thầu hàng hóa – công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của
Công ty năm 2026*

TP.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2026

**Người thẩm quyền phê duyệt
Giám đốc**

**Bên mời thầu
Phòng Kinh doanh**



Lê Thành Khoa

Đào Duy Đạt

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

- A. Khái quát
- B. Chuẩn bị HSDX
- C. Nộp và mở HSDX
- D. Đánh giá và Xếp hạng nhà thầu
- E. Trao Hợp đồng

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

Chương III. Biểu mẫu

- Mẫu số 1. Đơn chào hàng
- Mẫu số 2. Giấy ủy quyền
- Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh
- Mẫu số 4. Kê khai thông tin về nhà thầu
- Mẫu số 5. Thông tin các thành viên của nhà thầu Liên danh
- Mẫu số 6. Hợp đồng trưng tự do nhà thầu thực hiện
- Mẫu số 7. Hợp đồng đã và đang thực hiện của nhà thầu
- Mẫu số 8. Kê khai năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính
- Mẫu số 9. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu
- Mẫu số 10. Bảo lãnh dự thầu
- Mẫu số 11. Biểu chào giá
- Mẫu số 12. Biểu giá và Lịch hoàn thành – Các dịch vụ liên quan
- Mẫu số 13. Giấy phép/Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất
- Mẫu số 14. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Chương IV. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương VI. Kiểm tra và thử nghiệm

Chương VII. Dự thảo hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC

Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh

HSDX

Hồ sơ đề xuất

VND

Đồng Việt Nam

Chương I CHỈ DẪN NHÀ THẦU

A. KHÁI QUÁT

1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

1.1 Bên mời thầu phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa được mô tả trong Chương IV - Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa.

1.2 Tên gói thầu, nội dung công việc của gói thầu cụ thể như sau:

<i>Tên gói thầu</i>	<i>Nội dung công việc của gói thầu</i>
Hàng hóa – công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026	Cung cấp công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026

1.3 Thời gian thực hiện hợp đồng: Quý 2,3,4 năm 2026

2. Nguồn vốn: sản xuất kinh doanh của Công ty

3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Tư cách hợp lệ của nhà thầu:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động;
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu đối với gói thầu này.

4. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan và tài liệu chứng minh

4.1 “Hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ;

4.2 “Xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

4.3 Yêu cầu khác về tính hợp lệ của hàng hóa : không có

4.4 Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục này thì nhà thầu phải hoàn chỉnh mẫu kê khai xuất xứ trong các Biểu mẫu tương ứng quy định tại Chương III- Biểu mẫu.

a) Để chứng minh tính phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp tài liệu sẽ trở thành một phần của HSDX và là bằng chứng chứng minh rằng hàng hóa đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật nêu ở Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa .

b) Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ có thể là hồ sơ giấy tờ, bản vẽ hoặc số liệu và phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng căn bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa.

c) Nhà thầu cũng phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng, v.v... cần thiết để đảm bảo sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định 30 ngày sau khi Chủ đầu tư bắt đầu sử dụng hàng hóa.

d) Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình, công cụ dụng cụ và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue do Chủ đầu tư nêu ra trong Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế Nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng khác, các nhãn hiệu hàng hóa khác và/hoặc số catalogue khác, miễn là Nhà thầu có thể chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn đảm bảo sự tương đương căn bản hoặc thậm chí cao hơn so với thông số theo quy định tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa.

B. CHUẨN BỊ HSĐX

5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi mua HSYC cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

6. Ngôn ngữ của HSĐX

HSĐX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Tài liệu kèm theo (catalogue, tính năng kỹ thuật...) trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang Tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

7. Thành phần của HSĐX

HSĐX phải bao gồm các thành phần sau:

- Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8;
- Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo quy định tại Mẫu số ;
- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 14;
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12;
- Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 9;
- Thành phần đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 11;
- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tính phù hợp của Hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 4;

- Các nội dung khác:.....

8. Đơn chào hàng và các bảng biểu

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các mẫu tương ứng theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

9. Giá dự thầu và giảm giá

9.1 Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ chi phí (không tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương IV – Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa .

9.2 Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì phải được nộp trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Danh mục hàng hóa .

9.3 Nhà thầu phải chào giá tương ứng theo từng biểu giá quy định tại Mẫu số 11, 12, 13, 14, 15.

10. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán:

Việt nam đồng (VNĐ)

11. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm danh mục hàng hóa cung cấp, tiến độ cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật nhằm chứng minh tính phù hợp của hàng hóa theo yêu cầu của Bên mời thầu.

12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Nhà thầu phải điền thông tin cần thiết vào trong các mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

13. Thời hạn hiệu lực của HSDX

13.1 HSDX phải có hiệu lực trong 30 ngày. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ bị loại.

13.2 Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp, bị loại và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX

14. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX

14.1 Nhà thầu phải chuẩn bị một bộ HSDX gốc và ghi rõ “BẢN GỐC”. Ngoài ra, nhà thầu còn phải nộp 01 bản chụp của HSDX và phải ghi rõ “BẢN CHỤP”. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.

14.2 Bản gốc của HSDX cần được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, thư giảm giá (nếu có), văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương III – Biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 và được nộp cùng với HSDX. Tên và chức vụ của người ký văn bản ủy quyền cần được đánh máy hoặc in bên dưới chữ ký.

14.3 Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Trong mọi trường hợp tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý với bằng chứng là văn bản thỏa thuận liên danh có chữ ký của các đại diện được ủy quyền hợp pháp của các thành viên trong liên danh.

14.4 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký đầy đủ hoặc chữ ký tắt của người ký HSDX hoặc người được ủy quyền đại diện.

C. NỘP VÀ MỞ HSDX

16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX

16.1 Nhà thầu đựng bản gốc và bản chụp của HSDX, bên ngoài ghi rõ “BẢN GỐC” hoặc “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI” (nếu có) và “BẢN CHỤP”. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

16.2 Trên các túi đựng hồ sơ phải:

a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu.....;

b) Ghi tên người nhận là Bên mời thầu.....;

c) Ghi tên gói thầu.....;

d) Ghi dòng chữ cảnh báo không được mở trước 14 giờ 00 phút, ngày 27/3/2026 (thời gian đóng thầu)

16.3 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới Bên mời thầu, không ghi đúng thông tin trên túi đựng HSDX, Bên mời thầu cũng sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn quy định tại Mục 16.2 nêu trên.

17. Thời hạn nộp HSDX

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: trước 14 giờ 00 phút, ngày 27/3/2026 (thời gian đóng thầu)

18. HSDX nộp muộn

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Bên mời thầu nhận được sau khi hết hạn nộp HSDX được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng

19. Mở HSDX

Sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu tiến hành mở các HSDX và lập biên bản mở thầu bao gồm các nội dung: Tên nhà thầu; giá chào; thời gian có hiệu lực của HSDX; giá trị, thời gian có hiệu lực của Bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng và gửi văn bản này đến các nhà thầu đã nộp HSDX.

D. ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NHÀ THẦU

20. Giải thích làm rõ HSDX

20.1 Sau khi mở HSDX, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu. Trường hợp HSDX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.2 Trong khoảng thời gian 02 ngày làm việc, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDX của mình thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX. Bên mời thầu phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

20.3 Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX.

21. Đánh giá các HSDX

Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp được liệt kê trong Mục này để đánh giá các HSDX.

21.1 Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX theo quy định tại Bước 1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.2 Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

21.3 Đánh giá về kỹ thuật và giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét xác định giá thấp nhất theo quy định tại Bước 5 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

21.4 Sau khi đánh giá đề xuất tài chính, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất là nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất vào thương thảo hợp đồng.

22. Sửa lỗi số học

22.1 Sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;

- Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định, trừ trường hợp số tiền ghi bằng chữ có liên quan đến một lỗi sai chính tả thì khi đó, số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

22.2 Sau khi sửa lỗi, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi đối với HSDX của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

23. Hiệu chỉnh sai lệch

23.1 Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

- Trường hợp trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

- Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

23.2 Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí theo yêu cầu nêu trong HSYC thì Bên mời thầu phải cộng các chi phí đó vào giá dự thầu. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu.

23.3 Trường hợp nhà thầu có thu giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng; trường hợp sai lệch thiếu lớn hơn 10% thì HSDX sẽ bị loại.

23.4 Trường hợp nhà thầu có HSDX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu.

23.5 Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu; Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại

24. Thương thảo về hợp đồng

24.1 Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng, nếu nhà thầu không đến thương thảo hợp đồng hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

24.2 Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá HSDX;
- b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu;
- c) HSYC.

24.3 Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

- a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC mà chỉ tiến hành thương thảo đối với các sai lệch,
- b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;
- c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu đó. Trường hợp chỉ có duy nhất nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì việc thương thảo hợp đồng đối với sai lệch thiếu căn cứ vào mức đơn giá chào thầu trong HSDX của nhà thầu này (nếu đơn giá đó thấp hơn đơn giá trong dự toán); căn cứ vào mức đơn giá trong dự toán (nếu đơn giá đó cao hơn đơn giá trong dự toán).

24.4 Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSYC có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;
- c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

24.5 Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, biểu giá, tiến độ cung cấp.

24.6 Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

25. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- 25.1 Có HSDX hợp lệ theo quy định tại Bước 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- 25.2 Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- 25.3 Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Bước 4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- 25.4 Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;
- 25.5 Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;
- 25.6 Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

26. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Bên mời thầu sẽ gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên nhà thầu trúng thầu;
- b) Địa chỉ hiện tại của nhà thầu trúng thầu;
- c) Giá trúng thầu;
- d) Loại hợp đồng;
- đ) Thời gian thực hiện hợp đồng;
- e) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;
- g) Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu;
- h) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu được công nhận trúng thầu.

E. TRAO HỢP ĐỒNG

27. Điều kiện ký kết hợp đồng

Điều kiện ký kết hợp đồng:

27.1 Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực;

27.2 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu quy định ở Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng;

28. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

28.1 Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải sử dụng Mẫu số 14.

28.2 Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Bước 1: Kiểm tra HSDX, bao gồm:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền hoặc thỏa thuận về việc đại diện hợp pháp ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc HSDX;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- đ) Thời hạn hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu của HSYC;
- e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSYC;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ phần công việc của gói thầu mà từng thành viên trong liên danh đảm nhận;
- i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh. Tuy nhiên năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên liên danh chỉ xét theo phần công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (được thể hiện trong Thỏa thuận liên danh).

Bước 3: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	Giấy tờ cần nộp		
				Tất cả các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Một thành viên liên danh	
1. Năng lực tài chính							
1.1	Doanh thu bình quân hàng năm	Doanh thu bình năm 2024 là 7,0 tỷ.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (trưng ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 9
1.2	Tình hình tài chính lành mạnh	Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh trong năm tài chính 2024: a) Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn > 1; b) Giá trị ròng phải ≥ 0; c) Hoàn thành nghĩa	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 9

		vụ nộp thuế của năm tài chính 2024.					
2. Kinh nghiệm							
2.1	Kinh nghiệm chung trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính có liên quan đến việc thực hiện gói thầu tối thiểu là 01 năm trở lại đây, tính đến thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 8
2.2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 03 năm gần đây có giá trị tối thiểu 2,5 tỷ đồng, tính đến thời điểm đóng thầu (<i>Đính kèm bản chính hoặc bản chụp được chứng thực hợp đồng hoặc thanh lý hợp đồng hoặc hóa đơn chứng từ mua bán để chứng minh</i>)	Phải thỏa mãn yêu cầu	Không áp dụng	Phải đáp thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 7

Bước 4: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, sử dụng tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”.

Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chuẩn “Đạt/Không đạt”, được áp dụng thêm tiêu chuẩn chấp nhận được nhưng không được vượt quá 3 tiêu chuẩn tổng quát trong tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục đánh giá về tài chính khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “Đạt”, các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là “Đạt” hoặc “Chấp nhận được”.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nội dung đánh giá		Đạt, không đạt		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa				
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa , tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa , tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của HSYC	Đạt		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa , tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa , tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ nhưng chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của HSYC		Chấp nhận được	
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa , tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa , tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của HSYC			Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa				
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế	Đạt		
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa nhưng chưa hoàn toàn hợp lý và hiệu quả kinh tế		Chấp nhận được	
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế			Không đạt
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa				

Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa	Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC	Đạt		
hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC	Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng chưa hoàn toàn hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSYC		Chấp nhận được	
	Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật			Không đạt
4. Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường				
4.1 Khả năng thích ứng về mặt địa lý				
Khả năng thích ứng về mặt địa lý	Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về mặt địa lý	Đạt		
	Hàng hóa được cung cấp không hoàn toàn thích ứng về mặt địa lý		Chấp nhận được	
	Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về mặt địa lý			Không đạt
4.2 Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết				
Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý	Đạt		
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và có đề xuất biện pháp giải quyết		Chấp nhận được	
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và không đề xuất được biện pháp giải quyết			Không đạt
5. Bảo hành, bảo trì				
Thời gian Bảo hành 24 tháng	Thời gian bảo hành 24 tháng, bảo trì 24 tháng	Đạt		
	Thời gian bảo hành 24 tháng, bảo trì trên 12 tháng		Chấp nhận được	
	Thời gian bảo hành 24 tháng, bảo trì dưới 12 tháng			Không đạt

6. Uy tín của nhà thầu				
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó.	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu và có tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trước đó vượt tiến độ hoặc có giải thưởng quốc gia trong lĩnh vực liên quan đến gói thầu và không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.	Đạt		
	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng tương tự do lỗi của nhà thầu.		Chấp nhận được	
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng tương tự do lỗi của nhà thầu.			Không đạt
7. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ				
Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp	Có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp	Đạt		
	Có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ nhưng chưa hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp		Chấp nhận được	
	Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp			Không đạt

Bước 5: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi;

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch;

Bước 4: Trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Chuyển đổi giá dự thầu (là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá) sang một đồng tiền chung (nếu có);

Bước 6: So sánh giữa các HSDX để xác định giá thấp nhất.

Chương III. Biểu mẫu

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: [điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: [điền tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: [điền tên đầy đủ của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên HSVC mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽¹⁾ cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽²⁾.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một HSDX này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết nhưng thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực;

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28, Chương I.

HSDX này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁴⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu..

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ cung cấp nêu trong HSDX.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 3 có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(5) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn chào hàng và các tài liệu khác trong HSDX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] do ____ [Ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, Tổng Giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thông nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽¹⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh _____ [Ghi cụ thể phần công việc và giá trị tương ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

(1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn phía dưới. Không được thay đổi định dạng trình bày và không được dùng các mẫu khác thay thế.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên nhà thầu <i>[điền tên hợp pháp, địa chỉ, số điện thoại, email... của Nhà thầu]</i>
2. Trong trường hợp là nhà thầu liên danh, điền tên pháp lý của từng thành viên liên danh: <i>[điền tên hợp pháp của từng thành viên trong liên danh]</i>
3. Năm thành lập: <i>[điền năm nhà thầu thành lập công ty]</i>
4. Kèm theo là bản sao của các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào các ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i> <input type="checkbox"/> Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết) và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên. <input type="checkbox"/> Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh. <input type="checkbox"/> Các tài liệu chứng minh những điểm nêu dưới đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> • TỰ CHỦ VỀ PHÁP LÝ VÀ TÀI CHÍNH • HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP
5. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH

[Nhà thầu phải điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn dưới đây. Nhà thầu và từng thành viên của Liên danh đều phải điền thông tin vào bảng ở dưới.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ dự thầu]*

1. Tên Nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của Nhà thầu]</i>
2. Tên thành viên của Liên danh nhà thầu: <i>[điền tên hợp pháp của thành viên Liên danh]</i>
3. Năm thành lập công ty của thành viên Liên danh: <i>[điền năm thành lập công ty của thành viên Liên danh]</i>
<p>Kèm theo là bản sao các tài liệu gốc sau đây <i>[đánh dấu vào ô ghi tên tài liệu gốc kèm theo]</i></p> <p><input type="checkbox"/> Điều lệ công ty (hoặc các tài liệu tương đương liên quan đến việc thành lập hoặc liên kết), và/hoặc các tài liệu đăng ký của pháp nhân có tên ở trên.</p> <p><input type="checkbox"/> Các tài liệu chứng minh những điểm sau đây, nếu nhà thầu là doanh nghiệp hoặc tổ chức nhà nước: tự chủ về pháp lý và tài chính, hoạt động theo luật thương mại.</p>
4. Trình bày sơ đồ tổ chức, danh sách Hội đồng Quản trị.

HỢP ĐỒNG ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

Stt	Tên hợp đồng	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện)	Giá trị phần công việc chưa hoàn thành	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1							
2							
3							
...							

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH

1. Tên nhà thầu: _____
Địa chỉ: _____
2. Kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính
 - a) Sản xuất:

-	(2) từ năm:	đến năm:
-	từ năm:	đến năm:
...		
 - b) Kinh doanh:

-	(3) từ năm:	đến năm:
-	từ năm:	đến năm:
...		
3. Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh chính trong ____ (4) năm gần đây:
 - a) Sản xuất:
 - b) Kinh doanh:
4. Tổng số lao động hiện có:
 - a) Trong lĩnh vực sản xuất:
Trong đó, cán bộ chuyên môn: (5)
 - b) Trong lĩnh vực kinh doanh:
Trong đó, cán bộ chuyên môn: (5)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(2). Ghi lĩnh vực sản xuất chính (3). Ghi lĩnh vực kinh doanh chính

(4). Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường từ 3 đến 5 năm; đối với gói thầu quy mô nhỏ thì có thể quy định ít hơn 3 năm trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của dự án).

(5). Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà nêu yêu cầu cụ thể về cán bộ chuyên môn như: số lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, trình độ chuyên môn...

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 _____ [Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong ____ năm tài chính gần đây [Ghi số năm theo quy định Chương II].

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Năm _____	Năm _____	Năm _____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)			

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
4. Báo cáo kiểm toán;
5. Các thông lệ khác.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU
(Bảo đảm của ngân hàng)

Bên thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: [điền số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo đảm: [điền tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [điền tên nhà thầu]⁽¹⁾ (sau đây sẽ gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽²⁾ ngày kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

- a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;
- b) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo quy định tại Chương I;
- c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.
- d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh thông báo kết quả đấu thầu; trong vòng 20 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho Bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi Bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC.”

(2) Ghi theo quy định tại Chương I.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Chương I

Các Mẫu biểu giá

[Nhà thầu phải điền vào các Mẫu Biểu giá theo các chỉ dẫn kèm theo. Danh sách các hạng mục chính trong cột 1 của các Biểu giá phải phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi cung cấp]

Mẫu số 11

BIỂU GIÁ CHÀO

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
1	Bạc đạn 6203	cái	20,00		
2	Bao đựng rác đen (80x100cm) Loại dẻo bóng	kg	2.500,00		
3	Bao PE (Loại 50kg)	cái	30.000,00		
4	Bao tay cao su size L	đôi	250,00		
5	Bao tay len	đôi	420,00		
6	Bao tay vải	đôi	40,00		
7	Biển báo giao thông có chân	cái	15,00		
8	Bình xịt thuốc điện 16L	cái	6,00		
9	Búa chặt cây Husky	cái	2,00		
10	Búa đóng đinh 25cm (VN)	cái	16,00		
11	Cào nhựa	cái	10,00		

12	Cán chổi (bằng tre)	cái	150,00		
13	Cán kéo 3 khúc (5 mét)	cây	30,00		
14	Cần xé Ø50	cái	100,00		
15	Cần xé Ø45	cái	40,00		
16	Cào cỏ bằng nhựa Úc	cái	100,00		
17	Chai xịt chống sét WD40	chai	10,00		
18	Chai xịt kiến	chai	700,00		
19	Cọ son (số 10)	cây	80,00		
20	Cọ son (số 16)	cây	50,00		
21	Cưa móc (cưa tay) bahco	cái	30,00		
22	Cuốc con gà 23*7cm	cái	33,00		
23	Cuốc lớn 30*30- thép + cán tre	cái	54,00		
24	Cuốc nhỏ (cuốc cầm tay)	cây	40,00		
25	Cuộn rào BV dài 100m, ngang 8cm màu đỏ trắng (Rào Cảnh báo)	cuộn	40,00		
26	Dao chặt cỏ lè	cái	41,00		
27	Dây đai an toàn dùng để leo cao (Hàn Quốc)	bộ	32,00		
28	Dây dù (VN)	m	80,00		

29	Dây nilon đen bẹ	kg	120,00		
30	Dây thùng con gà 10 ly	cuộn	1,00		
31	Dây thùng con gà 12 ly	cuộn	2,00		
32	Dây thùng con gà 14 ly	cuộn	3,00		
33	Dây thùng con gà 16 ly	cuộn	1,00		
34	Dây thùng con gà 18 ly	cuộn	3,00		
35	Dây thùng con gà 22 ly	cuộn	1,00		
36	Dây thùng con gà 4ly	cuộn	4,00		
37	Dây thùng con gà 6 ly	cuộn	3,00		
38	Dây thùng con gà 8 ly	cuộn	3,00		
39	Đèn pin cầm tay	cây	10,00		
40	Dũa ba lá 15cm	cây	19,00		
41	Dũa cưa tròn 4,8ly	cây	170,00		
42	Dũa cưa tròn 4ly	cây	300,00		
43	Dũa dẹp	cái	10,00		
44	Dung dịch phá sét 125ml	chai	4,00		
45	Kềm 1,5 ly	kg	170,00		
46	Kéo cắt cành licota	Cái	42,00		

47	Kéo cắt cành hàng rào total	cái	160,00		
48	Kéo cắt tĩa cán dài Top	Cái	30,00		
49	Kéo giật cành Bahco	cái	20,00		
50	Khóa Việt Tiệp loại trung	cái	20,00		
51	Khóa Việt Tiệp lớn	cái	50,00		
52	Ky tre \varnothing 80 cm	cái	50,00		
53	Lưỡi kéo giật cành Bahco	cái	28,00		
54	Lưỡi Liềm	cái	89,00		
55	Lưỡi dao dài 40 cm	cái	150,00		
56	Mỡ Bò Bôi Tron SKF LGHP 2/1 Chịu Nhiệt Độ Cao Đến 150°C – Chống Rỉ, Chịu Nước	kg	20,00		
57	Que hàn 2ly6	hộp	5,00		
58	Sơn bạch tuyết (xanh, trắng)	Kg	100,00		
59	Sơn xịt ATM 400ml	chai	40,00		
60	Thùng rác 240 lít	cái	53,00		
61	Thùng rác 660lít	cái	39,00		
62	Thước đo 7,5m	cái	17,00		
63	Xà beng 1,2m (Sắt đặt)	cái	10,00		

64	Xà beng lớn (1,7m)	cái	2,00		
65	Xà beng nhỏ (nhỏ đỉnh)	cái	2,00		
66	Xà no + cán	Cây	10,00		
67	Xèng xúc cát cán tre	cái	70,00		
68	Sơn Lót DEP 3126	Lít	45,00		
69	Sơn Phủ DEP 2054	Lít	90,00		
70	Sơn Phủ DEP 1065	Lít	5,00		
71	Lăn chỉ	cái	15,00		
72	Sùi sơn	cái	4,00		
73	Chổi dừa	cái	100,00		
74	Bồ nôi GX 35	cặp	2,00		
75	Đá mài cầm tay 10cm	cục	10,00		
76	Bình phun thuốc 18L	cái	10,00		
77	Bao PE (Loại 90kg)	cái	1.000,00		
78	Vỏ xe + ruột đẩy tay 15x6-6NHS	Bộ	26,00		
79	Đinh Chi 5F	kg	25,00		
80	Cán kéo 3 mét	cái	1,00		
81	Cưa cầm tay (cưa tay)	cái	10,00		

82	Chóp chắn dẻo Đài Loan (70 cm)	cái	50,00		
83	Loa phóng thanh cầm tay MS - 004	cái	7,00		
84	Nón BHLĐ senda	cái	50,00		
85	Dao tu (rựa cán ngắn)	cái	10,00		
86	Đai nhựa PP	Cuộn	2,00		
87	Bộ kẹp	Kg	10,00		
88	Cưa tay lưỡi cong (cưa rút)	cái	8,00		
89	Bình viết lông dàu (80ml)	Bình	24,00		
90	Tua vít chữ thập	cái	7,00		
91	Cưa móc cành cao BAHCO	cái	4,00		
92	Kéo cắt ống nhựa bình minh	cái	11,00		
93	Bao rác màu cực đại (78 x 100cm)	kg	10,00		
94	Bao rác trung màu (55 x 65)	kg	10,00		
95	Mỡ Bò	kg	6,00		
96	Bạc đạn zin máy cưa 194	cái	3,00		
97	Bát côn máy cưa Echo	cái	2,00		
98	Bình xăng con GX 35	cái	7,00		
99	Bình xăng con máy cưa 194	cái	4,00		

100	Block máy cưa Stihl 194	cái	2,00		
101	Bộ đầu bơm cho máy nổ 5.5HP	bộ	3,00		
102	Bugì 2 thì (Bugì NGK BM6A)	cái	40,00		
103	Bugì 4 thì (Bugì NGK CMR5H)	cái	50,00		
104	Chén nhông Husqvana 445	cái	7,00		
105	Chén nhông máy cưa 194	cái	7,00		
106	Chén nhông máy cưa Echo 350	cái	5,00		
107	Cước 3 cạnh (3 ly) (1 cuộn 100m)	mét	1.100,00		
108	Cước cắt cỏ 3mm dài 100m	cuộn	46,00		
109	đầu bò máy cắt cỏ 28mm9 khía	cái	12,00		
110	Đầu bò máy cắt cỏ Honda GX 35	Cái	14,00		
111	Dây cáp máy cắt cỏ ba lô Honda GX35	Dây	10,00		
112	Dây cáp máy cắt cỏ Balo	dây	2,00		
113	Dây giặt 4 li 100m	cuộn	4,00		
114	Lam cưa máy cưa Echo 350	cái	18,00		
115	Lam cưa máy cưa Husqvarna (máy trung) 445	cái	17,00		
116	Lam cưa máy cưa Stihl 25' 7 tấc	cái	6,00		

117	Lam cửa mitsuyama 3,5tác	cái	2,00		
118	Lam máy cửa Stil 194 (4,5 - 5 tác)	cái	5,00		
119	Lò xo Echo 350/381	cái	16,00		
120	Lò xo Husqvarna 445	cái	4,00		
121	Lò xo kéo giặt Bahco (chữ C)	cái	27,00		
122	Lọc xăng	cái	4,00		
123	Lưỡi Dao cắt cỏ Dài 35cm	cái	58,00		
124	Mâm cước cắt cỏ,cước vệt cỏ (bát cước)	Cái	13,00		
125	Máy bơm 1,5HP	cái	40,00		
126	Máy bơm 2HP	cái	30,00		
127	Máy bơm 2HP 2 đầu	cái	10,00		
128	Máy bơm ABC 3 pha 380v,3hp	cái	5,00		
129	Máy cắt cầm tay pin Total	cái	5,00		
130	Máy cắt cỏ honda GX 35	cái	32,00		
131	Máy cửa Echo CS350	cái	7,00		
132	Máy cửa Husqvarna 445 (trung)	cái	3,00		
133	Máy cửa Stihl 382 (lớn)	cái	3,00		
134	Máy cửa STIHL 194 (nhỏ)	cái	20,00		

135	Máy cửa trung STIHL trung	cái	3,00	
136	Máy Cửa xích STIHL MS 250	cái	1,00	
137	Máy hàn Hồng Kỳ 200A	cái	5,00	
138	Máy khoan cầm tay pin 3 chức năng	cái	5,00	
139	Máy mài điện cầm tay	cái	10,00	
140	Máy thổi lá lớn 80cc Still	cái	10,00	
141	Puli Stihl 194	cái	5,00	
142	Puli Stihl 381-382	cái	5,00	
143	Sên cửa máy STIHL (size nhỏ)	thùng	11,00	
144	Sên cửa máy STIHL (size trung)	thùng	5,00	
145	Sên máy cửa Oregon 91	thùng	5,00	
146	Sên máy cửa Archer	thùng	4,00	
147	Bạc dàn mã 9503-003-0239	cái	10,00	
148	Bộ chế hòa khí mã 1137-120-0621	cái	10,00	
149	Buồng động cơ mã 1137-020-3004	cái	10,00	
150	Rô To 5.5 cm mã 1123-195-0400	cái	10,00	
151	Rô to - 8cm mã 1128-195-0400	cái	10,00	
152	Dây cáp máy cắt cỏ 90cm	cái	4,00	

153	Dây khởi động máy cửa xích 4.0mm	cuộn	5,00		
154	Lò xo kéo giật Bahco	cái	50,00		
155	Máy cửa xích cầm tay MS382, mã 1119-222-3051	cái	5,00		
156	Lam máy cửa xích 16 in, mã 3003-001-8613	cái	5,00		
157	Lưỡi cửa xích 16 in, mã 3623-000-0060	sợi	10,00		
158	Máy cửa xích cầm tay MS194T, mã 1137-222-0002	cái	5,00		
159	Lam máy cửa xích dài 14 inch, mã 3005-000-4809	cái	5,00		
160	Lưỡi cửa xích 14 in, mã 3636-000-50	sợi	10,00		
161	Máy cửa xích cầm tay MS182 mã-1148-011-3060	cái	5,00		
162	Lam máy cửa xích dài 18 inch mã 3005-000-4817	cái	10,00		
163	Lưỡi cửa xích 18 inch mã 3636-000-0061	sợi	10,00		
164	Máy cửa xích cầm tay MS250, mã 1123-222-3044	cái	5,00		
165	Lưỡi cửa xích 18 inch, mã 3636-000-0061	sợi	10,00		
166	Lam máy cửa xích dài 18 inch, mã 3005-	cái	5,00		

000-4817				
167	Lưới cửa xích 3636, mã 3636-000-1640	cuộn	10,00	
168	Lưới cửa xích 3623, mã 3623-000-1640	cuộn	5,00	
169	Lưới cửa xích 3652, mã 3652-000-1640	cuộn	5,00	
170	Dây cước máy cắt cỏ PC Trimmer Nylon Line 3.0mm	cuộn	5,00	
171	Chén nhôm máy cửa xích CS350Tes	cái	5,00	
172	Máy cưa Sthi 194	cái	4,00	
173	Mũi khoan sắt 10	cái	2,00	
174	Mũi khoan BT pháp xi10ly	cái	2,00	
175	Mũi khoan BT 6	cái	2,00	
176	Mũi khoan BT 8	cái	2,00	
177	Mũi bần vít có nam châm	cái	2,00	
178	Mũi bần vít	cái	2,00	
179	Mũi bần vít Top	cái	2,00	
180	Mũi khoan thép	cái	2,00	
181	Đầu bần tôn 8	cái	2,00	
182	Đầu bần tôn 10	cái	19,00	

183	Đầu bắn tôn 12	cái	2,00		
184	Đầu bắn tôn 13	cái	2,00		
185	Máy cắt cỏ VB 52 Volga đeo vai	Cái	4,00		
186	Máy cắt cỏ VB 52 Volga đeo lưng	Cái	4,00		
187	Bình Xăng con máy VB 52	Cái	8,00		
188	Bộ giặt máy VB 52	Cái	8,00		
189	Máy thổi lá chạy xăng Model: VB - 985	Cái	6,00		
190	Chén nhôm máy cưa 381	Cái	10,00		
191	Ổ cước	Cái	26,00		
192	Cước 2 ly (7,6kg = 1 cuộn)	kg	19,20		
193	Đĩa cước xô cước	Cái	4,00		
194	Máy cắt cỏ honda GX 35 đeo lưng	Cái	5,00		
195	Máy bơm nước (WB30Tx3DR)	Cái	5,00		
196	Đầu xịt rửa xe 5HP	Cái	2,00		
197	Máy thổi lá 2 thì Makita nòng 51cc	Cái	12,00		
198	Máy cắt cỏ 2 thì Echo (GX50, nòng 34ly)	Cái	10,00		
199	Núm vú xăng	Cái	20,00		
200	Núm vú xăng rời	Cái	10,00		

201	Khởi động từ LS 32A + Relay nhiệt LS 13 - 18A	Bộ	2,00		
202	Mũi khoan thấp (4-32)	Cái	2,00		
203	Máy cưa Husqvarna 353	Cái	2,00		
204	Bao bố (100kg)	cái	800,00		
Cộng					
Thuế					
Phí (nếu có)					
Tổng cộng					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Biểu giá và Lịch hoàn thành - Các dịch vụ liên quan

1	2	3	4	5	6	7
Dịch vụ số	Mô tả dịch vụ (không bao gồm vận chuyển nội địa và các dịch vụ khác cần thiết trong Việt Nam để chuyên chở hàng hóa đến đích cuối cùng)	Nước xuất xứ	Ngày chuyển giao dịch vụ tại địa điểm đích cuối cùng	Khối lượng và đơn vị tính	Đơn giá	Tổng giá cho dịch vụ (Cột 5*6 hoặc ước tính)
[điền số hiệu dịch vụ]	[điền tên Dịch vụ]	[điền tên nước xuất xứ của dịch vụ]	[điền ngày chuyển giao dịch vụ tại địa điểm đích cuối cùng]	[điền số lượng đơn vị dịch vụ sẽ được cung cấp và đơn vị tính]	[điền đơn giá cho hạng mục]	[điền tổng giá của hạng mục]
Tổng giá chào thầu						

Tên Nhà thầu [điền tên đầy đủ của Nhà thầu] Chữ ký của Nhà thầu [chữ ký của người ký HSĐX] Ngày [điền ngày]

Giấy phép/Giấy uỷ quyền bán hàng của nhà sản xuất

[Nhà thầu phải yêu cầu Nhà sản xuất điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn ở dưới. Thư uỷ quyền này phải được in trên giấy có tiêu đề của Nhà sản xuất và có chữ ký của người có thẩm quyền hợp lệ để ký các tài liệu có ý nghĩa ràng buộc đối với Nhà sản xuất. Nhà thầu phải đính kèm Uỷ quyền của Nhà sản xuất vào Hồ sơ dự thầu]

Kính gửi: *[điền tên đầy đủ của Chủ đầu tư]*

CĂN CỨ VÀO VIỆC

Chúng tôi *[điền tên đầy đủ của Nhà sản xuất]*, là nhà sản xuất chính thức *[điền tên loại hàng hóa được sản xuất]*, có nhà máy tại *[điền địa chỉ đầy đủ của nhà máy]*, tuyên bố uỷ quyền cho *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]* nộp hồ sơ dự thầu cung cấp những hàng hóa sau đây do chúng tôi sản xuất *[điền tên và/hoặc mô tả ngắn gọn về hàng hóa]*, sau đó đàm phán và ký Hợp đồng.

Chúng tôi xin bảo đảm và bảo hành đầy đủ đối với Hàng hóa do công ty nêu trên chào cung ứng.

Đã ký: *[chữ ký của (các) đại diện được uỷ quyền của Nhà sản xuất]*

Tên: *[điền tên của (các) đại diện được uỷ quyền của Nhà sản xuất]*

Chức vụ: *[điền chức vụ]*

Thứ _____ ngày _____, tháng _____ năm _____ *[điền ngày ký]*

Chương IV

PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA

Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được Bên mời thầu đưa vào HSYC và phải bao gồm mô tả về các hàng hóa sẽ được cung cấp cũng như tiến độ cung cấp.

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa để hỗ trợ các nhà thầu chuẩn bị HSDX một cách hiệu quả và chính xác khi lập các biểu giá theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương III. Ngoài ra, Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa với Biểu giá là cơ sở cho việc điều chỉnh hợp đồng.

Ngày giao hàng hoặc thời hạn giao hàng phải được xác định một cách thận trọng, dựa trên những yếu tố sau:

1. Ảnh hưởng của các điều khoản giao hàng quy định trong Hướng dẫn cho Nhà thầu theo các quy tắc Incoterms (ví dụ như EXW, hoặc CIP, FOB, FCA — mà theo đó “giao hàng” được hiểu là khi hàng hóa được chuyển giao cho đơn vị vận chuyển);

2. Ngày giao hàng được tính kể từ khi nhà thầu bắt đầu có nghĩa vụ giao hàng tới Chủ đầu tư (ví dụ như thông báo trao hợp đồng, ký hợp đồng, mở hoặc xác nhận tín dụng thư).

1. Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

[Bên mời thầu sẽ điền vào bảng này, ngoại trừ cột “Ngày giao hàng theo đề xuất của Nhà thầu” sẽ do Nhà thầu điền]

stt	mô tả hàng hóa	Khối lượng	Đơn vị tính	Điểm giao hàng cuối cùng (Địa điểm Dự án) theo quy định ở BDS	Ngày giao hàng (theo Incoterms)		
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	Ngày giao hàng theo đề xuất của Nhà thầu [Nhà thầu tự điền vào cột này]
1					Theo yêu cầu của Chủ đầu tư từng đợt	Theo yêu cầu của Chủ đầu tư từng đợt	[điền số ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực]
2							
...							

Chương V
YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

“Tóm tắt Yêu cầu về kỹ thuật. Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các Yêu cầu về kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
1	Bạc đạn 6203	Đường kính ngoài (D:40mm) , Đường kính trong (d:17mm), Độ dày vòng bi (B :12mm)
2	Bao đựng rác đen (80x100cm) Loại dẻo bóng	Kích cỡ 90*120, nhựa PE loại dẻo bóng
3	Bao PE (Loại 50kg)	Kích cỡ 60 *100 vải dệt PP lồng PE dày
4	Bao tay cao su size L	cao su tự nhiên (Latex)
5	Bao tay len	Sợi cotton, len tổng hợp có pha sợi co giãn.
6	Bao tay vải	Sợi cotton pha sợi co giãn
7	Biển báo giao thông có chân	Khung sắt , tôn dày 1,5 cm
8	Bình xịt thuốc điện 16L	Dung tích bình 16 L, Nguồn ắc quy :12v/8AH , áp suất hoạt động: 0,15-069 MPA,100 PSI
9	Búa chặt cây Husky	Thép cao cấp trọng lượng 3kg, cán dài 86 cm
10	Búa đóng đinh 25cm (VN)	Đầu thép, cán gỗ dài 25 cm
11	Cào nhựa	Chất liệu nhựa PP, kích thước 60 *54 cm ,trọng lượng 380 g, chiều cao răng 25 cm, số lượng 24 răng
12	Cán chổi (bằng tre)	Chất liệu tre, chiều dài 1,5 m
13	Cán kéo 3 khúc (5 mét)	Hợp kim nhôm cao cấp, chiều dài 4.5 m- 5m

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
14	Cần xé Ø50	Chất liệu Tre ,Đường kính ngoài 50 cm
15	Cần xé Ø45	Chất liệu Tre ,Đường kính ngoài 45 cm
16	Cào cỏ bằng nhựa Úc	Chất liệu nhựa PP, kích thước 60 *54 cm ,trọng lượng 380 g, chiều cao răng 25 cm, số lượng 24 răng
17	Chai xịt chống sét WD40	Chống rỉ sét, phá vỡ liên kết rỉ sét, ngăn cản oxy hóa và độ ẩm
18	Chai xịt kiến	Không chứa hoạt chất cấm, hoạt chất diệt côn trùng (như deltamethrin, cyphenothrin, imiprothrin).
19	Cọ sơn (số 10)	Độ dày 10mm, lông heo thuộc trắng hoặc sợi tổng hợp (filament), cán gỗ/nhựa bền
20	Cọ sơn (số 16)	Độ dày 16mm, lông heo thuộc trắng hoặc sợi tổng hợp (filament), cán gỗ/nhựa bền
21	Cưa móc (cưa tay) bahco	Thép cao cấp, chiều dài lưỡi đa dạng (250mm - 607mm), mật độ răng (TPI)
22	Cuốc con gà 23*7cm	Thép nhíp bản dày, cán sắt
23	Cuốc lớn 30*30- thép + cán tre	Thép nhíp bản dày, cán tre
24	Cuốc nhỏ (cuốc cầm tay)	Thép nhíp bản dày, cán sắt
25	Cuộn rào BV dài 100m, ngang 8cm màu đỏ trắng (Rào Cảnh báo)	Đỏ trắng 100m x 8cm nhựa PP bền bỉ, không keo, rộng 8cm, chiều dài 100m
26	Dao chặt cỏ lè	Thép mangan độ cứng cao, dày 2-4mm, dài lưỡi 30-35cm, rộng 5-7.5cm, trọng lượng 500-700g

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
27	Dây đai an toàn dùng để leo cao (Trung Quốc)	Dây đai bảo hộ bằng 5cm, dài 125cm, chất liệu Polyester, Điện lưng dài 63cm, rộng 13.5cm dày 1cm bảo vệ thắt lưng, Dây treo móc dài 155cm, móc nhôm, móc thép
28	Dây dù (VN)	Nylon, Chịu lực tốt, khoảng 30-40m/kg
29	Dây nilon đen bẹ	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
30	Dây thừng con gà 10 ly	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
31	Dây thừng con gà 12 ly	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
32	Dây thừng con gà 14 ly	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
33	Dây thừng con gà 16 ly	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
34	Dây thừng con gà 18 ly	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
35	Dây thừng con gà 22 ly	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
36	Dây thừng con gà 4ly	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
37	Dây thừng con gà 6 ly	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
38	Dây thừng con gà 8 ly	Polypropylene 3 tao hoặc 4 tao, độ bền cao, chống tia UV và chịu lực tốt
39	Đèn pin cầm tay	Độ sáng (100 - >2000 Lumens)

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
40	Dũa ba lá 15cm	Kích thước dài 160mm, mặt cạnh dày 7mm, có rãnh răng cưa
41	Dũa cưa tròn 4,8ly	4.8mm, chiều dài thường là 200mm - 250mm, chế tạo từ thép cacbon cao cấp
42	Dũa cưa tròn 4ly	4mm, chiều dài thường là 200mm - 250mm, chế tạo từ thép cacbon cao cấp
43	Dũa dẹp	Thép hợp kim cao cấp, chiều dài phổ biến từ 150mm - 400mm
44	Dụng dịch phá sét 125ml	Dạng xịt, Phá rỉ sét, bôi trơn, chống gỉ, đẩy nước, làm sạch
45	Kẽm 1,5 ly	Dây mạ kẽm đen, 1,5 ly (1.5mm)
46	Kéo cắt cành licota	Thép không gỉ, kích thước 6.5-8 inch (165-200mm), trọng lượng nhẹ ~200-300g
47	Kéo cắt cành hàng rào (ĐL)	Thép carbon 55, lưỡi cắt phủ teflon chống dính và chống rỉ sét, độ cứng cao (khoảng HRC)
48	Kéo cắt tia cán dài Top	Thép carbon cao, cán tăng đơ dài (từ 640mm-910mm hoặc 1.7m-3m)
49	Kéo giật cành Bahco	Lưỡi thép cao cấp, Ròng rọc 3 cấp, chiều dài dây kéo 5 mét
50	Khóa Việt Tiệp loại trung	Chất liệu đồng thau, Tổng rộng 48mm - 63mm, tổng cao 73mm - 82mm
51	Khóa Việt Tiệp lớn	Chất liệu đồng thau, Tổng rộng 53mm - 63mm, tổng cao 62 mm - 89mm
52	Ky tre Æ80 cm	Làm bằng tre rộng 80 cm

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
53	Lưỡi kéo giặt cành Bahco	Lưỡi thép cao cấp
54	Lưỡi Liềm	Thép rèn, hiệu dài lưỡi từ 15cm - 35 cm, dày 1.5 - 2 mm
55	Lưỡi dao dài 40 cm	Thép rèn, chiều dài 40 cm
56	Mỡ Bò Bôi Trơn SKF LGHP 2/1 Chịu Nhiệt Độ Cao Đến 150°C – Chống Rỉ, Chịu Nước	Chất làm đặc Polyurea, chịu nhiệt cao, chịu rỉ chịu nước
57	Que hàn 2ly6	Thép carbon Tiêu chuẩn AWS E6013, dòng hàn 80-130A
58	Sơn bạch tuyết (xanh, trắng)	Sơn dầu, độ bóng cao
59	Sơn xịt ATM 400ml	Trọng lượng khoảng 270g (chai 400ml), làm từ nhựa N/C và Acrylic Lacquer
60	Thùng rác 240 lít	Nhựa HDPE nguyên sinh độ bền cao, thông số 730 x 580 x 1080
61	Thùng rác 660lít	Nhựa HDPE nguyên sinh độ bền cao, thông số 1180 x 770 x 1100
62	Thước đo 7,5m	Chiều dài 7.5m, bản thước rộng 25mm, vỏ nhựa ABS bọc cao su chịu va đập
63	Xà beng 1,2m (Sắt đặt)	Thép hợp kim hoặc sắt cường độ cao, chiều dài 1200mm
64	Xà beng lớn (1,7m)	Thép hợp kim hoặc sắt cường độ cao, chiều dài 1700mm
65	Xà beng nhỏ (nhỏ đỉnh)	Thép hợp kim hoặc sắt cường độ cao, chiều dài 600mm
66	Xà no + cán	Chiều cao từ 100mm - 250mm, chiều rộng cánh 40mm - 75mm, độ dày 1.5mm - 3.2mm

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
67	Xẻng xúc cát cán tre	Lưỡi thép sắt cacbon cứng dày sơn đen, dài từ 1,2m - 1,5m
68	Sơn Lót DEP 3126	Nhựa epoxy và chất đóng rắn polyamide, Bộ 20L (A: 16L, B: 4L)
69	Sơn Phủ DEP 2054	Nhựa epoxy và chất đóng rắn polyamide, Bộ 20L (A: 16L, B: 4L)
70	Sơn Phủ DEP 1065	Nhựa epoxy và chất đóng rắn polyamide, Bộ 20L (A: 16L, B: 4L)
71	Lăn chỉ	Ống lăn 30mm - 100mm
72	Sùi sơn	Bản rộng lưới (2cm - 15cm), chất liệu thép không gỉ xử lý nhiệt cứng, và cán cầm (nhựa, gỗ, hoặc cán dài)
73	chổi dừa	Cọng dừa nước 2.1m (loại cán dài), nặng 500gr - 900gr
74	Bố nồi GX 35	Bố sắt cao cấp, 2 càng động cơ 4 thì
75	Đá mài cầm tay 10cm	Đường kính đá 1 tấc, lỗ trục 16mm
76	Bình phun thuốc 18L	Vỏ bình làm từ nhựa bền bỉ, Ác quy: 12V/8AH, Áp suất hoạt động: 0.15 – 0.6 Mpa (80-100 PSI)
77	Bao PE (Loại 90kg)	Kích cỡ 60 *100 vải dệt PP lồng PE dày
78	Vỏ xe + ruột đẩy tay 15x6-6NHS	Kích thước: 15x6.00-6 (15x6-6), đường kính (380-385 mm), chiều rộng lớp (150-155 mm).
79	Đinh Chì 5F	Đinh thép, chiều dài 5cm (50mm), thân cứng, đầu nhọn, được làm từ thép carbon cao cấp mạ kẽm
80	Cán kéo 3 mét	Cán kim nhôm siêu nhẹ, bền, chống gỉ, lưỡi thép carbon

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
81	Cưa cầm tay (cưa tay)	Chiều dài lưỡi 300 - 500mm mật độ răng cưa 14-32 TPI, lưỡi thép hợp kim
82	Chóp chắn dẻo Đài Loan (70 cm)	Nhựa PVC dẻo, chiều cao 70 cm
83	Loa phóng thanh cầm tay MS - 004	Công suất 15W, Pin: Li-ion 1500mAh, 3.7V (pin sạc rời).
84	Nón BHLĐ	Nhựa ABS cao cấp 757 dẻo chịu lực chống va đập
85	Dao tu (rựa cán ngắn)	Thép tốt, lưỡi 15cm - 30cm, cán 15cm - 25cm, dày sống dao: 2mm - 4mm
86	Đai nhựa PP	100% Polypropylene, Độ dày 0.6mm - 1.2mm, rộng 12mm - 15mm
87	Bộ kẹp	Thép mạ kẽm (chống gỉ)
88	Cưa tay lưỡi cong (cưa rút)	Thép hợp kim SK5, chiều dài lưỡi 240mm
89	Bình viết lông dầu (80ml)	Dầu - permanent ink, Dung tích 80ml (đóng chai nhựa)
90	Tua vít chữ thập	Thép hợp kim cao cấp
91	Cưa móc cành cao BAHCO	Thép carbon cao cấp, lưỡi 54cm, trọng lượng 400gam
92	Kéo cắt ống nhựa bình minh	Cán kéo nhựa ABS cao cấp lưỡi kéo hợp kim
93	Bao rác màu cực đại (78 x 100cm)	PE màu (78 x 100cm)
94	Bao rác trung màu (55 x 65)	PE màu (55 x 65)
95	Mỡ Bò	Đa năng, chịu nhiệt vừa (-20°C đến 130°C)
96	Bạc đạn zin máy cưa 194	Bạc đạn cầu chịu lực Kích thước 12x32x10 mm

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
97	Bát côn máy cưa Echo	Dạng nhông khế (Spur Sprocket) gắn liền với bát côn để tối ưu không gian cho máy nhỏ
98	Bình xăng con GX 35	Bình xăng con màng bơm, dung tích 35.8 cc, động cơ 4 thì
99	Bình xăng con máy cưa 194	Màng bơm (diaphragm carburetor) Dung tích xi lanh: 30.1cc
100	Block máy cưa Stihl 194	Động cơ 2 thì 31.8cc, đường kính piston 30mm - 40 mm
101	Bộ đầu bơm cho máy nổ 5.5HP	Công suất 3-5HP, vòng quay 800-1200 vòng/phút, áp lực 10-40 kgf/cm ² và lưu lượng 20-50 lít/phút
102	Bugì 2 thì (Bugì NGK BM6A)	Đường kính ren 14mm, độ chân dài ren 9.5mm
103	Bugì 4 thì (Bugì NGK CMR5H)	4 thì (4-stroke)
104	Chén nhông Husqvana 445	Nhông rời, Bước răng (Pitch): .325 inch, Số răng (Teeth): 7 răng (7T)
105	Chén nhông máy cưa 194	Nhông rời, Độ dày chân xích: 1.3 mm (0.050 inch), Loại bước xích: 3/8" P (3/8 Picco / 3/8" Picco Micro)
106	Chén nhông máy cưa Echo 350	Nhông đồng tiền rời, Bước xích: 3/8 inch Số răng nhông: 6 răng
107	Cước 3 cạnh (3 ly) (1 cuộn 100m)	Nylon tổng hợp cao cấp, dẻo dai, chịu mài mòn tốt, Chiều dài: 100 mét/cuộn.
108	Cước cắt cỏ 3mm dài 100m	Nylon tổng hợp cao cấp, dẻo dai, chịu mài mòn tốt, Chiều dài: 100 mét/cuộn.
109	đầu bò máy cắt cỏ 28mm9 khía	Hợp kim nhôm chịu lực, bền bỉ, Ren ốc đầu bò M10 x 1.25LH (ren ngược)

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
110	Đầu bò máy cắt cỏ Honda GX 35	Đường kính ống cần phi 28mm, Kiểu trục truyền động: 9 khía (9 răng) Đường kính trục (láp) phi 8, Ốc đầu bò M10 x 1.25 LH
111	Dây cáp máy cắt cỏ ba lô Honda GX35	Cần mềm (cáp mềm) Đường kính ống cần phi 28mm
112	Dây cáp máy cắt cỏ Balo	Cao su tổng hợp bền bỉ, linh hoạt, Chiều dài lõi cáp 85cm, 87cm, 89cm, 90cm, 94cm, 95cm
113	Dây giặt 4 li 100m	Dây dù chịu lực chuyên dụng chịu mài mòn cao , chiều dài 100m/cuộn
114	Lam cửa máy cửa Echo 350	Chiều dài lam: 30cm, 35cm, 40cm, Loại lam: Lam đầu chuột, Chân xích (Gauge): 0.050 inch, Bước xích (Pitch): 3/8"
115	Lam cửa máy cửa Husqvarna (máy trung) 445	Chiều dài lam 18 inch, Dải chiều dài lam 13 - 20 inch, Bước xích (Pitch): .325", Chân xích (Gauge): 0.050"
116	Lam cửa máy cửa Stihl 25' 7 tầng	Chiều dài Lam: 25 inch (~63 cm - 64 cm), Bước xích (Pitch): 3/8", Chân xích (Gauge): 1.6 mm / 0.063"
117	Lam cửa mitsuyama 3,5tác	Chiều dài lam: 14 inch / 35 cm / 3,5 tác, Lam bánh xe , Xích tương thích: 3/8"
118	Lam máy cửa Stil 194 (4,5 - 5 tác)	Lam đầu nhông, độ dài (30cm - 35cm), Bước xích (Pitch): 3/8", Chân xích (Gauge): 1.3mm
119	Lò xo Echo 350/381	Thép chịu lực, đàn hồi cao
120	Lò xo Husqvarna 445	Dung tích xi lanh 45.7m3, Công suất 2.1KW /2.8HP, Tốc độ chạy không tải

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		2700 vòng/1 phút, Đường kính nòng 42mm
121	Lò xo kéo giặt Bahco (chữ C)	Thép hợp kim cao cấp, Bahco P34-37
122	Lọc xăng	Thân nhựa cứng, lõi lọc bằng nilon, dạ hoặc lưới kim loại siêu mịn
123	Lưỡi Dao cắt cỏ Dài 35cm	Thép hợp kim cao cấp, Chiều dài 3,5 tấc, Độ dày: 1.6mm, 1.8mm
124	Mâm cước cắt cỏ, cước vệt cỏ (bát cước)	Nhựa tổng hợp chịu lực cao (ABS), Kích thước: Đường kính mâm 10cm - 15cm. Loại ren: Ren ngược 10mm
125	Máy bơm 1,5HP	Công suất: 1.5HP (1.1kW), Cột áp 28m, Hút sâu 8m, Đường kính ống (Hút/Xả): 49/42 mm, Trọng lượng 18kg
126	Máy bơm 2HP	Công suất: 2 HP (1.1kW), Cột áp 31m, Hút sâu 8m, Đường kính ống (Hút/Xả): 60/49 mm, Trọng lượng 23.5kg
127	Máy bơm 2HP 2 đầu	Công suất: 2 HP (1.1kW), Cột áp 42m, Hút sâu 30m, Đường kính ống (Hút/Xả): 60/49 mm, Trọng lượng 23.5kg
128	Máy bơm ABC 3 pha 380v, 3hp	Công suất: 3 HP (1.1kW), Cột áp 35m, Hút sâu 16m, Đường kính ống (Hút/Xả): 60/34 mm, Trọng lượng 35kg
129	Máy cắt cầm tay pin	Loại động cơ không chổi than, Điện áp pin 20V, Tốc độ không tải: 3000/6000/9000 vòng/phút
130	Máy cắt cỏ honda GX 35	Loại động cơ: 4 thì, Dung tích bình xăng: 0.65 lít, nhớt: 0.1 lít, khởi động:

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
		Mâm giặt tay, hệ thống đánh lửa: Transistor từ tính (IC)
131	Máy cưa Echo CS350	Động cơ: 2 thì, Dung tích xi lanh: 35.8 cc, nhiên liệu: 0.37 lít, dầu bôi trơn 0,23 lit
132	Máy cưa Husqvarna 445 (trung)	Loại động cơ: 2 thì, Dung tích xi lanh 35.8 CC, Đường kính nòng 39 mm
133	Máy cưa Stihl 381 (lớn)	Động cơ: 2 thì, Tốc độ không tải 2800 vòng/phút, tốc độ lớn nhất 9500 vòng/1 phút
134	Máy cưa STIHL 194 (nhỏ)	Dung tích: 31.8cc, Công suất: 1.4kW, Lam: 12-14", Trọng lượng: 3.3kg
135	Máy cưa trung STIHL trung	Công suất: 2.3 kW - 3.1 Hp, Dung tích xi lanh: 45.4 cc
136	Máy Cưa xích STIHL MS 250	Động cơ: 2 thì, xăng pha nhớt, Công suất: 2.2kW - 2.3kW, Chiều dài lam: 18 inch (450mm)
137	Máy hàn Hồng Ký 200A	Công suất đầu ra: 7.0 KVA, Dòng điện ra: 20 - 200A, Điện áp ra: 50 - 70V
138	Máy khoan cầm tay pin 3 chức năng	Điện áp pin 12v, Lực siết (Mô-men xoắn)từ 28 Nm - 165 Nm
139	Máy mài điện cầm tay	Đường kính đĩa mài/cắt 100mm, Tốc độ không tải (vòng/phút) 10.000 - 12.000 vòng/1 phút
140	Máy thổi lá lớn 80cc Still	Động cơ 4-MIX STIHL, Dung tích xi lanh: ~80 cc, Công suất: ~3.2 kW, Lực thổi: 41 N, Tốc độ gió: ~97 m/s
141	Puli Stihl 194	Vật liệu: Nhựa + thép, Đường kính: ~65-70mm, Công dụng: Puli giặt khởi động

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
142	Puli Stihl 381-382	Đường kính: ~75–80mm, Vật liệu: Nhựa chịu lực, Bộ phận: Puli đề nổ
143	Sên cưa máy STIHL (size nhỏ)	Bước xích: 3/8" Pico, Độ dày mắt xích: 1.1mm, Số mắt: tùy lam 12–16"
144	Sên cưa máy STIHL (size trung)	Bước xích: .325", Độ dày: 1.3mm / 1.5mm, Dùng cho: MS250, MS382
145	Sên máy cưa Oregon 91	Bước xích: 3/8" Low profile, Độ dày: 1.3mm, Dùng lam: 14–16"
146	Sên máy cưa Archer	Bước xích: .325 hoặc 3/8, Độ dày: 1.5mm
147	Bạc đạn mã 9503-003-0239	Bạc đạn kim, Đường kính trong: 10mm, Dùng cho: Ly hợp STIHL
148	Bộ chế hòa khí mã 1137-120-0621	Loại: Carburetor màng, Nhiên liệu: Xăng pha nhớt 2T
149	Buồng động cơ mã 1137-020-3004	Vật liệu: Nhôm đúc, Chứa piston + trục cơ
150	Rô To 5.5 cm mã 1123-195-0400	Đường kính: 55mm, Bộ phận: Mâm lửa
151	Rô to - 8cm mã 1128-195-0400	Đường kính: 80mm, dùng cho: MS381 / MS382
152	Dây cáp máy cắt cỏ 90cm	Chiều dài: 90cm, Lõi: Cáp thép xoắn
153	Dây khởi động máy cưa xích 4.0mm	Đường kính dây: 4mm, Chiều dài: 1–1.2m, Vật liệu: Nylon chịu lực
154	Lò xo kéo giật Bahco	Loại: Lò xo đề, Vật liệu: Thép đàn hồi
155	Máy cưa xích cầm tay MS382, mã 1119-222-3051	Công suất: 3.9kW, Lam: 18–25 inch, Xăng pha: 25:1, Trọng lượng: ~6.2kg
156	Lam máy cưa xích 16 in, mã 3003-001-8613	Chiều dài: 16 inch, Bước xích: .325, Rãnh lam: 1.6mm

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
157	Lưỡi cưa xích 16 in, mã 3623-000-0060	Bước xích: .325, Độ dày: 1.5mm, Số mắt: ~66
158	Máy cưa xích cầm tay MS194T, mã 1137-222-0002	Dung tích: 31.8cc, Công suất: 1.4kW, Lam: 12-14", Trọng lượng: 3.3kg
159	Lam máy cưa xích dài 14 inch, mã 3005-000-4809	Chiều dài: 14", Bước xích: 3/8, Rãnh: 1.3mm
160	Lưỡi cưa xích 14 in, mã 3636-000-50	Bước xích: 3/8, Độ dày: 1.3mm
161	Máy cưa xích cầm tay MS182 mã-1148-011-3060	Dung tích: 35.8cc, Công suất: 1.6kW, Lam: 14-16"
162	Lam máy cưa xích dài 18 inch mã 3005-000-4817	Dài: 18", Bước xích: 3/8, Rãnh: 1.5mm
163	Lưỡi cưa xích 18 inch mã 3636-000-0061	Bước: 3/8, Độ dày: 1.5mm
164	Máy cưa xích cầm tay MS250, mã 1123-222-3044	Dung tích: 45.4cc, Công suất: 2.3kW, Lam: 16-18"
165	Lưỡi cưa xích 18 inch, mã 3636-000-0061	Bước: 3/8, Độ dày: 1.6mm
166	Lam máy cưa xích dài 18 inch, mã 3005-000-4817	Dài: 18", Bước xích: 3/8, Rãnh: 1.5mm
167	Lưỡi cưa xích 3636, mã 3636-000-1640	Bước xích 3/8, độ dày 1.5mm
168	Lưỡi cưa xích 3623, mã 3623-000-1640	Bước xích 3/25, độ dày 1.5mm
169	Lưỡi cưa xích 3652, mã 3652-000-1640	Bước xích 3/8, độ dày 1.6mm
170	Dây cước máy cắt cỏ PC Trimmer Nylon Line 3.0mm	Đường kính: 3mm, Vật liệu: Nylon
171	Chén nhông máy cưa xích CS350Tes	Chén nhông 3/8

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
172	Máy cưa Stihl 194	Dung tích: 31.8cc, Lam: 12-14", Trọng lượng: 3.3kg
173	Mũi khoan sắt 10	Ø10mm
174	Mũi khoan BT pháp xi10ly	Ø10mm bê tông
175	Mũi khoan BT 6	Ø6mm
176	Mũi khoan BT 8	Ø8mm
177	Mũi bắn vít có nam châm	Chuôi lục giác
178	Mũi bắn vít	Chuôi lục giác
179	Mũi bắn vít Top	Thép S2
180	Mũi khoan thép	Dùng khoan gỗ
181	Đầu bắn tôn 8	8mm
182	Đầu bắn tôn 10	10mm
183	Đầu bắn tôn 12	12mm
184	Đầu bắn tôn 13	13mm
185	Máy cắt cỏ VB 52 Volga đeo vai	Dung tích: 52cc, Công suất: 1.8kW, Nhiên liệu: Xăng pha 25:1
186	Máy cắt cỏ VB 52 Volga đeo lưng	Dung tích: 52cc, Công suất: 1.8kW, Nhiên liệu: Xăng pha 25:1, trục mềm
187	Bình Xăng con máy VB 52	Dung tích: ~1L, nhựa PE
188	Bộ giặt máy VB 52	Puli + lò xo + tay giặt
189	Máy thổi lá chạy xăng Model: VB - 985	Dung tích: 63cc, Gió: ~0.2 m ³ /s
190	Chén nhông máy cưa 381	Bước: 3/8, 7 răng
191	Ổ cước	Lắp đầu máy cắt cỏ, Chứa dây cước
192	Cước 2 ly (7,6kg = 1 cuộn)	Đường kính: 2mm, Cuộn: 7.6kg

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật
193	Đĩa cước xô cước	Đường kính: 255mm, Lắp trực 25.4mm
194	Máy cắt cỏ honda GX 35 đeo lưng	Động cơ: GX35 4 thì, Dung tích: 35.8cc, xăng: Không pha nhớt
195	Máy bơm nước (WB30Tx3DR)	Đường kính hút xả: 80mm, Lưu lượng: ~60 m ³ /h, Động cơ: Honda
196	Đầu xịt rửa xe 5HP	Công suất: 5HP, Áp lực: 40–60 bar, Lưu lượng: 30–40 L/min
197	Máy thổi lá 2 thì Makita nòng 51cc	Dung tích: 51cc, Gió: ~0.3 m ³ /s
198	Máy cắt cỏ 2 thì Echo (GX50, nòng 34ly)	Dung tích: 47.9cc, 2 thì, Công suất: ~2.2HP
199	Núm vú xăng	Nhựa cao su, Dùng mỗi xăng
200	Núm vú xăng rời	Thay bình xăng con
201	Khởi động từ LS 32A + Relay nhiệt LS 13 - 18A	Điện áp: 220/380V, Dòng: 32A, Relay bảo vệ quá tải
202	Mũi khoan thép (4-32)	Khoan bước, Ø4 → 32mm
203	Máy cưa Husqvarna 353	Dung tích: 51.7cc, Công suất: 2.4kW, Lam: 16–20"
204	Bao bố (100kg)	Vật liệu: PP dệt

Chương VI

KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm sẽ theo kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm của Chủ đầu tư. Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của nhà thầu

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Đối tượng thụ hưởng: [điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]

Ngày: [điền ngày phát hành]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: [điền số Bảo lãnh]

Bên bảo lãnh: [điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]

Chúng tôi được thông báo rằng _ [điền tên Nhà thầu, nếu là Liên danh thì điền tên Liên danh] (sau đây gọi là “Người đề nghị bảo lãnh”) đã ký Hợp đồng số. [điền số trích yếu của Hợp đồng] ngày [điền ngày] với Người thụ hưởng để thực hiện _ [điền tên Hợp đồng và mô tả ngắn gọn Công trình] (sau đây gọi là “Hợp đồng”).

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo Các Điều kiện của Hợp đồng, Bên Đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [điền số tiền bằng số] () [điền số tiền bằng chữ]², theo loại tiền và tỷ lệ của đồng tiền thanh toán Hợp đồng, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày tháng, 2...³, và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó..

[chữ ký]

² Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền tương đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có, và ghi bằng (các) loại tiền tệ của Hợp đồng hoặc loại tiền tệ dễ chuyển đổi được Bên thụ hưởng chấp thuận

³ Điền vào ngày thứ 28 sau ngày hoàn thành được quy định trong Điều 53.1 GC. Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: “Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc.”

Chương VII
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy

quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh;
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:
 - Đồng tiền dùng thanh toán: Việt Nam Đồng.
 - Tạm ứng: 30% ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.
 - Vào ngày 25 hàng tháng, 2 bên tiến hành đối chiếu công nợ xác định số tiền bên A phải thanh toán cho bên B và bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị đã được xác nhận trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán.
 - Thu hồi tạm ứng: Khoản tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng sẽ được thu hồi một lần vào đợt thanh toán quyết toán cuối cùng của Hợp đồng
 - Hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - + Bảng tổng hợp giá trị khối lượng.
 - + Phiếu giao hàng (đóng dấu treo).
 - + Biên bản nghiệm thu giữa 2 bên (đóng dấu 2 bên).
 - + Hóa đơn tài chính.

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 3 năm

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trước ngày ký hợp đồng
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 15 ngày làm việc.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện

phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa ; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: phiếu giao hàng, hồ sơ chất lượng và các giấy tờ hồ sơ phục vụ yêu cầu nghiệm thu của Bên A

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Bên A sẽ thông báo cho bên B trước 3 ngày làm việc, bằng điện thoại hoặc email về kế hoạch nhận hàng. Mọi chi phí vận chuyển do bên B chịu.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm sẽ theo kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm của Chủ đầu tư. Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho bên B và giao hàng như sau: Bảo hiểm phải bao gồm ít nhất các rủi ro: mất mát, hư hỏng, cháy nổ, thiên tai và tai nạn bất khả kháng khác. Chi phí bảo hiểm do Bên B chịu.

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh

dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa .

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:

- Thời hạn bảo hành: 24 tháng kể từ ngày hồ sơ được Chủ đầu tư bên A nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Kèm theo phiếu bảo hành hoặc tài liệu bảo hành hợp lệ.

- Bảo hành toàn bộ lỗi kỹ thuật, hư hỏng, khuyết tật do sản xuất, vận chuyển hoặc lắp đặt.

- Khi phát sinh sự cố, bên B phải tiếp nhận và xử lý trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo.

- Mọi chi phí bảo hành trong thời gian cam kết do bên bán chịu.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo quy định pháp luật.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, chủ đầu tư giữ 05 bộ, nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản hồ sơ đề xuất của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung tại mẫu số 11]